



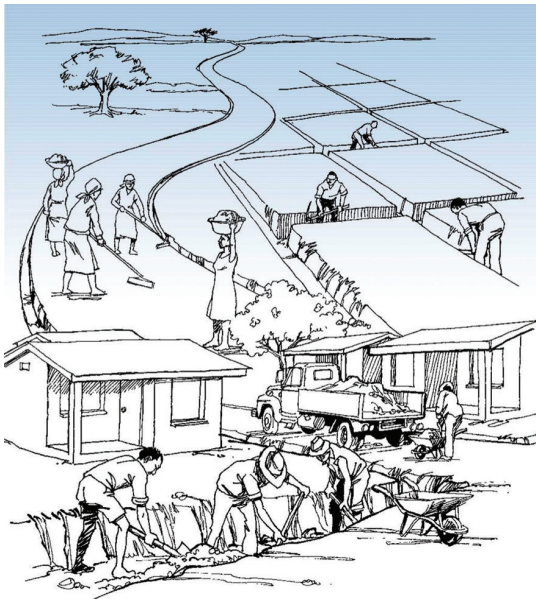
BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



International
Labour
Organization

Sổ tay hướng dẫn

LỒNG GHÉP CHÍNH SÁCH VIỆC LÀM CÔNG VÀO VIỆC TRIỂN KHAI HỢP PHẦN CƠ SỞ HẠ TẦNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG



HÀ NỘI - 12/2017

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT.....	4
LỜI NÓI ĐẦU	5
I. GIỚI THIỆU	6
II. CÁC THÔNG TIN CHUNG	8
III. QUY TRÌNH LỒNG GHÉP CHÍNH SÁCH VIỆC LÀM CÔNG VÀO VIỆC THỰC HIỆN HỢP PHẦN CƠ SỞ HẠ TẦNG.....	15
III.1 Lồng ghép chính sách việc làm công vào việc thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng có sự tham gia của cộng đồng theo cơ chế đặc thù rút gọn	15
Giai đoạn I. Chuẩn bị đầu tư.....	16
Giai đoạn II. Thực hiện đầu tư	23
Giai đoạn III. Sau đầu tư	26
III.2 Lồng ghép chính sách việc làm công vào việc thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng khác..	26
III.3 Lồng ghép chính sách việc làm công vào việc thực hiện các dự án, hoạt động duy tu, bảo dưỡng công trình	28
III.4 Lồng ghép chính sách việc làm công vào việc thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo (dự án xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công).....	28
IV. PHỤ LỤC	29
Phụ lục IV.1: Mẫu Thông báo danh mục dự án CSHT được phê duyệt chủ trương áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công trên địa bàn xã.....	29
Phụ lục IV.2: Mẫu Hồ sơ xây dựng công trình áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công.....	31
Phụ lục IV.3: Mẫu Quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình.....	34
Phụ lục IV.4: Mẫu Đơn đăng ký tham gia dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công.....	35

Phụ lục IV.5: Mẫu Các điều khoản bổ sung về thực hiện chính sách việc làm công trong hợp đồng thi công.....	36
Phụ lục IV.6: Mẫu Bảng chấm công.....	38
Phụ lục IV.7: Hướng dẫn các chủ đề tập huấn quan trọng về thực hiện chính sách việc làm công	39
Phụ lục IV.8: Hướng dẫn về tỷ lệ chi phí nhân công trong tổng chi phí dự án đối với các loại công trình CSHT áp dụng phương pháp dựa vào nguồn lực địa phương.....	42
Phụ lục IV.9: Hướng dẫn về rà soát, lựa chọn phương thức thực hiện dự án CSHT	43
Phụ lục IV.10: Hướng dẫn về đảm bảo chế độ cho người lao động.....	44
Phụ lục IV.11: Hướng dẫn về đóng góp lao động của cộng đồng	45
Phụ lục IV.12: Hướng dẫn về huy động, lựa chọn ưu tiên và trả công cho người lao động.....	47
Phụ lục IV.13: Hướng dẫn về giám sát, báo cáo và đánh giá tác động	50

TỪ VIẾT TẮT

BPT	Ban phát triển
BQL	Ban quản lý
CSHT	Cơ sở hạ tầng
CTMTQG GNBV	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
GSCĐ	Giám sát cộng đồng
HĐND	Hội đồng nhân dân
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
LĐ-TBXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
LRB	Phương pháp tiếp cận sử dụng nguồn lực địa phương
TOT	Tập huấn giảng viên nguồn
UBND	Ủy ban nhân dân

LỜI NÓI ĐẦU

Tạo việc làm công nhằm giúp người dân cải thiện sinh kế và tăng thu nhập là một mục tiêu quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (CTMTQG GNBV) giai đoạn 2016-2020.

Với sự hỗ trợ của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo – Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức biên soạn cuốn Sổ tay hướng dẫn lồng ghép chính sách việc làm công vào việc thực hiện hợp phần cơ sở hạ tầng trong CTMTQG GNBV.

Cuốn Sổ tay này giới thiệu các bước cần thực hiện để lồng ghép chính sách việc làm công vào việc xây dựng, nâng cấp, mở rộng, duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng sử dụng vốn nhà nước thuộc CTMTQG GNBV. Trọng tâm của Sổ tay là hướng dẫn áp dụng các phương pháp tiếp cận dựa vào nguồn lực địa phương (LRB) trong các công trình cơ sở hạ tầng có sự tham gia của cộng đồng theo cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn. Các phương pháp tiếp cận dựa vào nguồn lực địa phương (LRB) sử dụng tối ưu các nguồn nhân lực, kỹ năng và vật liệu địa phương nhằm tạo việc làm tối đa tại địa phương.

Đối tượng sử dụng chính của Sổ tay này là Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã, Ban giám sát cộng đồng, Ban phát triển thôn, tổ, nhóm thợ tại địa phương, cộng đồng dân cư. Các cơ quan ở cấp huyện, cấp tỉnh và các bên liên quan có thể tham khảo các thông tin hữu ích trong Sổ tay này.

Một cuốn Tài liệu hướng dẫn cơ bản được soạn thảo kèm theo Sổ tay này, nhằm sử dụng như một tài liệu đào tạo bổ sung về cách áp dụng chính sách việc làm công trong từng bước lập kế hoạch, thi công và giám sát thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng. Tài liệu hướng dẫn cơ bản được xây dựng với sự hỗ trợ của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO).

**Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

I. GIỚI THIỆU

Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (CTMTQG GNBV) giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016. Một trong các mục tiêu của CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 là: *“Tạo điều kiện để người dân tham gia thực hiện các hoạt động của Chương trình để tăng thu nhập thông qua tạo việc làm công”* (điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg).

Nhằm thúc đẩy và đảm bảo hiệu quả thực hiện chính sách việc làm công trong hợp phần cơ sở hạ tầng (CSHT) thuộc CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020, Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) tổ chức biên soạn cuốn Sổ tay *“Hướng dẫn lồng ghép chính sách việc làm công vào việc thực hiện hợp phần cơ sở hạ tầng trong Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020”*.

I.1 Căn cứ pháp lý

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Luật Việc làm¹, **“Việc làm công** là việc làm tạm thời có trả công được tạo ra thông qua việc thực hiện các dự án hoặc hoạt động sử dụng vốn nhà nước gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã)”.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Việc làm, **“Chính sách việc làm công** được thực hiện thông qua các dự án hoặc hoạt động sử dụng vốn nhà nước gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp xã, bao gồm:

- a. Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp;
- b. Xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng;
- c. Bảo vệ môi trường;
- d. Ứng phó với biến đổi khí hậu;
- đ. Các dự án, hoạt động khác phục vụ cộng đồng tại địa phương.”

Các văn bản pháp lý về thực hiện chính sách việc làm công quy định trong Luật Việc làm bao gồm:

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

(1) Luật số 38/2013/QH13 do Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2013, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- Thông tư số 11/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm về chính sách việc làm công.

Các văn bản pháp lý liên quan đến triển khai các dự án, hoạt động có thể thực hiện chính sách việc làm công trong CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 bao gồm:

- Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020;

- Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

- Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

I.2 Phạm vi áp dụng của Sổ tay

Sổ tay này hướng dẫn thực hiện chính sách việc làm công đối với các dự án, hoạt động sử dụng vốn nhà nước trong CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-

2020 nhằm xây dựng, nâng cấp, mở rộng, duy tu, bảo dưỡng công trình CSHT, bao gồm:

- Nguồn vốn đầu tư:
 - Dự án, hoạt động có sự tham gia của cộng đồng (áp dụng cơ chế đặc thù rút gọn theo qui định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP) – đây là trọng tâm hướng dẫn trong Sổ tay này;
 - Dự án, hoạt động khác (do nhà thầu thực hiện theo cơ chế đấu thầu hoặc chỉ định thầu).
- Nguồn vốn sự nghiệp:
 - Dự án, hoạt động duy tu, bảo dưỡng công trình;
 - Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo (xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công).

I.3 Đối tượng sử dụng Sổ tay

Đối tượng sử dụng chính của Sổ tay này là Ủy ban nhân dân cấp xã/phường/thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã); Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã (sau đây gọi là BQL cấp xã); tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc... (sau đây gọi là thôn); Ban phát triển (BPT) thôn; Ban giám sát cộng đồng (GSCĐ); tổ, nhóm thợ tại địa phương; cộng đồng dân cư. Các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và các bên liên quan có thể tham khảo các thông tin hữu ích trong Sổ tay này.

I.4 Cấu trúc của Sổ tay

Sổ tay được viết thành 4 phần:

- I. Giới thiệu
- II. Các thông tin chung
- III. Quy trình lồng ghép chính sách việc làm công vào việc thực hiện hợp phần cơ sở hạ tầng
- IV. Phụ lục (bao gồm các mẫu biểu và hướng dẫn kỹ thuật).

II. CÁC THÔNG TIN CHUNG

II.1 Lựa chọn dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công

Quy định chung: Theo qui định tại Điều 3 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP:

(1) Các loại dự án, hoạt động theo qui định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Việc làm được lựa chọn để thực hiện chính sách việc làm công bao gồm:

a) Dự án, hoạt động bảo vệ, quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất, nước, rừng; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu;

b) Dự án, hoạt động bảo tồn, phát triển văn hóa và du lịch;

c) Dự án, hoạt động xây dựng, cải tạo và bảo dưỡng: Đường giao thông, trường học, nhà trẻ, trạm y tế, chợ, công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao; công trình thủy lợi, tưới tiêu, đê điều; công trình cung cấp điện, nước sạch, vệ sinh môi trường;

d) Dự án, hoạt động phục vụ cộng đồng khác.

(2) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là UBND cấp tỉnh); Chủ tịch UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện): Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) quyết định thực hiện chính sách việc làm công đối với các dự án hoạt động theo qui định tại Khoản 1 Điều này.

Trong CTMTQG GNBV: Đối chiếu với qui định tại Điều 3 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP nêu trên, các hạng mục phù hợp trong tất cả các công trình thuộc phạm vi hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng của CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 (trong điểm a, b và c khoản 6 Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg) đều có thể được lựa chọn để thực hiện chính sách việc làm công.

II.2 Đối tượng tham gia chính sách việc làm công

Điều kiện tham gia (theo qui định tại Khoản 1 Điều 19 Luật Việc làm): Người lao động được tham gia chính sách việc làm công khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án, hoạt động;

b) Tự nguyện tham gia chính sách việc làm công.

Đăng ký tham gia (theo qui định tại Điều 5 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP): Người lao động có nhu cầu tham gia chính sách việc làm công đăng ký tham gia dự án, hoạt động với UBND cấp xã nơi cư trú hợp pháp.

Thứ tự ưu tiên (theo qui định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Việc làm, Điều 6 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và điểm a khoản 3 Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg): UBND cấp xã phối hợp với nhà thầu (nếu có), các tổ chức chính trị - xã hội, đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi từ dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công lựa chọn người lao động tham gia chính sách việc làm công trong danh sách người lao động đăng ký tham gia theo thứ tự ưu tiên:

(1) Người lao động là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; người chưa có việc làm hoặc thiếu việc làm; trong đó ưu tiên người thuộc hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

(2) Người lao động thuộc hộ gia đình hoạt động sản xuất nông nghiệp là chủ yếu;

(3) Người lao động cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án, hoạt động.

II.3 Chế độ đối với người lao động

Việc làm thỏa đáng là khái niệm áp dụng cho cả nam giới và nữ giới trong các ngành nghề chính thức và phi chính thức, có nghĩa là tạo thêm nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm, thúc đẩy các quyền cơ bản của người lao động tại nơi làm việc, tăng cường bảo vệ người lao động và đối thoại xã hội.

Trong khi phương pháp tiếp cận sử dụng nguồn lực địa phương – LRB (được giải thích ở mục II.6 dưới đây) đảm bảo tạo ra số lượng việc làm tối ưu, việc tuân thủ các tiêu chuẩn về việc làm thỏa đáng sẽ giúp nâng cao chất lượng công việc.

Đảm bảo các điều kiện việc làm thỏa đáng rất quan trọng đối với năng suất lao động và là nền tảng của sự tín nhiệm đối với chính sách của chính phủ trong việc sử dụng vốn đầu tư để tạo công ăn việc làm. Kinh nghiệm cho thấy các dự án tuân thủ các tiêu chuẩn lao động quốc tế có nhiều khả năng đạt được thành công lâu dài và đạt được các mục tiêu phát triển.

Các khía cạnh chính của việc làm thỏa đáng bao gồm:

- Tiền công thỏa đáng – đảm bảo người lao động được trả công đúng hạn, trả công ngang nhau tương xứng với công việc có giá trị như nhau;
- Quyền của người lao động – cung cấp thông tin và đơn đăng ký để người lao động hiểu các chế độ và quyền của họ;
- Cơ hội bình đẳng và bình đẳng giới – thực hiện các biện pháp tích cực để tạo cơ hội cho phụ nữ trong các công việc thích hợp;
- Tuổi tối thiểu – theo Bộ luật Lao động, tuổi lao động tối thiểu là 15 tuổi;
- Giờ làm việc và nghỉ ngơi – dự trữ công việc có thể hoàn thành trong thời gian làm việc, phù hợp với qui định tại Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BLĐTBXH;
- Kết hợp công việc với cuộc sống gia đình – đảm bảo phụ nữ làm việc không quá xa nhà và có thể làm bán thời gian;

- Công việc an toàn – đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động; xử lý thương tích; cung cấp nước uống; trang bị bảo hộ; không bị quấy rối trong công việc;

- Đối thoại xã hội – thúc đẩy người lao động tham gia vào quá trình ra quyết định và phát huy vai trò của các tổ chức cộng đồng.

Chế độ đối với người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng theo qui định tại Thông tư số 11/2017/TT-BLĐT-BXH:

Điều 4. Tiền công của người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng

Tiền công của người lao động được thanh toán trên cơ sở thỏa thuận giữa những người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng và căn cứ thời gian thực tế làm việc, khối lượng, chất lượng công việc người lao động đã thực hiện, cụ thể như sau:

1. Đối với người lao động làm việc đủ 8 giờ trong 1 ngày và 26 ngày trong 1 tháng thì tiền công tính theo tháng và không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại nơi thực hiện dự án, hoạt động;

2. Đối với người lao động làm việc không đủ 8 giờ trong 1 ngày hoặc 26 ngày trong 1 tháng thì tiền công tính theo giờ và không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại nơi thực hiện các dự án, hoạt động chia 26 ngày và chia 8 giờ;

3. Trường hợp người lao động làm thêm giờ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này thì được thanh toán tiền công theo giờ theo quy định tại khoản 2 Điều này cho những giờ làm thêm.

Điều 5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng

Việc tổ chức, sắp xếp thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi do những người

CƠ HỘI VIỆC LÀM BÌNH ĐẲNG CHO PHỤ NỮ

Để đảm bảo phụ nữ có cơ hội việc làm bình đẳng, cần có những nỗ lực nhất định:

- **Thông báo về việc làm** ở nơi phụ nữ có thể nhìn thấy;

- Đảm bảo các yêu cầu **đăng ký** không phân biệt đối xử với phụ nữ;

- Đảm bảo **các điều kiện việc làm** không cản trở sự tham gia của phụ nữ;

- Sử dụng **trường nhóm/đốc công là phụ nữ** để động viên phụ nữ tham gia;

- Xác định và áp dụng **tỷ lệ tối thiểu** phụ nữ tham gia;

- Đảm bảo phụ nữ không làm việc **quá xa nhà của họ**;

- Nếu phù hợp về văn hóa, có thể tổ chức các **nhóm làm việc riêng** cho nam và nữ;

- **Linh hoạt** về thời gian để hoàn thành công việc;

- Xác định những công việc được cho là **phù hợp với phụ nữ**.

Các cách tiếp cận tương tự có thể áp dụng để đảm bảo người khuyết tật có thể tham gia trong công trình nếu phù hợp.

lao động làm việc theo hình thức cộng đồng thỏa thuận nhưng phải bảo đảm các quy định sau đây:

1. Thời giờ làm việc không quá 8 giờ trong 1 ngày;
2. Mỗi tuần được nghỉ ít nhất 1 ngày (24 giờ liên tục). Trường hợp đặc biệt do chu kỳ lao động không thể nghỉ hằng tuần, thì được nghỉ tính bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày;
3. Trường hợp phải làm thêm giờ thì tổng số giờ làm việc và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 1 ngày.

Điều 6. An toàn, vệ sinh lao động của người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng

1. Người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng được hưởng các chế độ an toàn, vệ sinh lao động như sau:

a) Được hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động khi làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động và các văn bản hướng dẫn;

b) Được tham gia và hưởng bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện do Chính phủ quy định;

c) Được chủ đầu tư cung cấp thông tin về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn;

d) Được chủ đầu tư mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và bảo hiểm bắt buộc đối với trách nhiệm nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng có nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động như sau:

a) Chịu trách nhiệm về an toàn, vệ sinh lao động đối với công việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với những người có liên quan trong quá trình lao động;

c) Thông báo với chính quyền địa phương để có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi gây mất an toàn, vệ sinh lao động;

d) Thực hiện khai báo tai nạn lao động với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn (theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP

ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn).

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng như sau:

a) Tạo điều kiện để người lao động được làm việc trong môi trường an toàn, vệ sinh lao động và được hưởng các chế độ quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều này;

b) Bảo đảm các chế độ đối với người lao động quy định tại các điểm c và d khoản 1 Điều này;

c) Phối hợp và tạo điều kiện để người lao động thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

Qui định bổ sung đối với các dự án, hoạt động do nhà thầu bên ngoài thực hiện:

1. Các dự án, hoạt động áp dụng chính sách việc làm công khi thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu phải quy định nhà thầu tham dự thầu đề xuất phương án sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia chính sách việc làm công (theo qui định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Việc làm).

2. Người sử dụng lao động có sử dụng lao động tham gia chính sách việc làm công phải giao kết hợp đồng lao động với người lao động và đảm bảo các chế độ đối với người lao động theo qui định của pháp luật lao động (theo qui định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP).

II.4 Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp

Theo qui định tại Điều 8 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP:

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện chính sách việc làm công.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện các dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công; kiểm tra và gửi kết quả thực hiện chính sách việc làm công đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. UBND các cấp tổ chức thực hiện các dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công trên địa bàn; kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện chính sách việc làm công theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

II.5 Giám sát việc thực hiện chính sách việc làm công của cộng đồng

Theo qui định tại Điều 9 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP:

1. Cộng đồng dân cư giám sát việc sử dụng lao động và việc thực hiện các chế độ đối với người lao động tham gia chính sách việc làm công trên địa bàn.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát việc sử dụng lao động và việc thực hiện các chế độ đối với người lao động tham gia chính sách việc làm công trên địa bàn.

II.6 Phương pháp tiếp cận sử dụng nguồn lực địa phương trong các dự án thực hiện chính sách việc làm công

Phương pháp tiếp cận sử dụng nguồn lực địa phương (LRB) là nền tảng của việc thực hiện chính sách việc làm công. Phương pháp tiếp cận LRB có nghĩa là sử dụng tối đa lao động, vật liệu và năng lực địa phương trong các công trình CSHT nếu khả thi về mặt kỹ thuật và kinh tế. Phương pháp tiếp cận LRB có nhiều ưu điểm so với phương pháp tiếp cận dựa trên thiết bị (EB)², do:

- Sử dụng nhiều vốn đầu tư hơn để chi trả công lao động;
- Chi phí lao động thấp hơn chi phí cho thiết bị cơ giới;
- Chi trả dựa trên năng suất (thời gian, số lượng, chất lượng) công việc hoàn thành;
- Sử dụng nhiều vật liệu địa phương hơn thay vì phải mua ngoài;
- Tạo nhiều việc làm tại chỗ hơn, bao gồm cả những lợi ích gián tiếp.

Áp dụng phương pháp tiếp cận LRB tạo ra nhiều việc làm và lợi ích gián tiếp hơn do:

- Có thể xây dựng hoặc bảo dưỡng nhiều công trình CSHT hơn với cùng một ngân sách;
- Bổ sung nguồn vốn cho nền kinh tế địa phương thông qua việc chi trả tiền công và mua các vật liệu tại chỗ;
- Phát triển năng lực có thể dẫn đến cải thiện tay nghề và tạo nhiều cơ hội việc làm.

Kinh nghiệm cho thấy phương pháp tiếp cận LRB không gây ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng công trình xây dựng, nếu các công việc được giám sát chặt chẽ phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật, và có thể sử dụng thiết bị khi cần thiết.

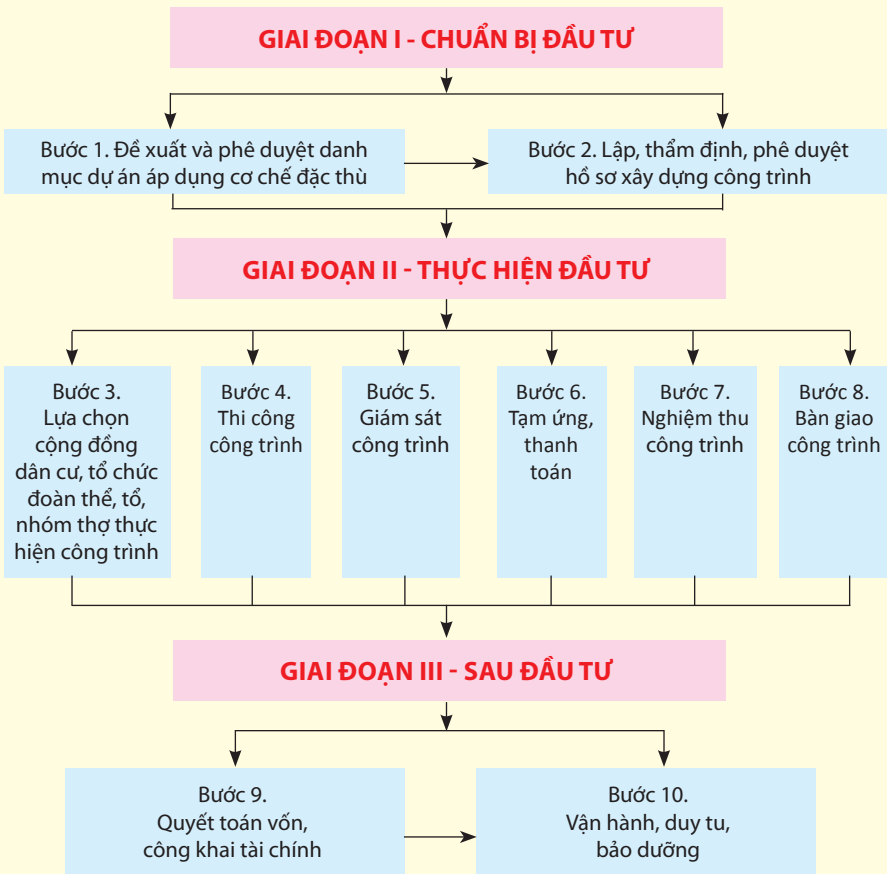
(2) Phương pháp tiếp cận dựa trên thiết bị (EB) ưu tiên sử dụng máy móc cơ giới so với sử dụng lao động thủ công.

III. QUY TRÌNH LỒNG GHÉP CHÍNH SÁCH VIỆC LÀM CÔNG VÀO VIỆC THỰC HIỆN HỢP PHẦN CƠ SỞ HẠ TẦNG

III.1 Lồng ghép chính sách việc làm công vào việc thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng có sự tham gia của cộng đồng theo cơ chế đặc thù rút gọn

Sổ tay “*Hướng dẫn thực hiện hợp phần CSHT trong CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 theo cơ chế đặc thù rút gọn*” do Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo – Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành đã hướng dẫn cụ thể về qui trình thực hiện các dự án nhóm C qui mô nhỏ (có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng) theo cơ chế đặc thù rút gọn qui định trong Nghị định số 161/2016/NĐ-CP, gồm 3 giai đoạn và 10 bước như sau:

Quy trình thực hiện các dự án nhóm C qui mô nhỏ theo cơ chế đặc thù rút gọn



Sổ tay này sẽ hướng dẫn bổ sung các nội dung liên quan đến cách lồng ghép chính sách việc làm công trong từng bước của qui trình. Người đọc cần tham khảo Sổ tay này cùng với Sổ tay “*Hướng dẫn thực hiện hợp phần CSHT trong CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 theo cơ chế đặc thù rút gọn*” để thực hiện.



Giai đoạn I. Chuẩn bị đầu tư

Bước 1: Đề xuất và phê duyệt danh mục dự án CSHT thuộc CTMTQG GNBV áp dụng cơ chế đặc thù rút gọn

Công việc 1

Thôn đề xuất các dự án CSHT thuộc CTMTQG GNBV

1. Phổ biến, hướng dẫn về chính sách việc làm công

Cán bộ xã phổ biến cho trưởng thôn, Ban Phát triển (BPT) thôn nhằm nâng cao nhận thức về chính sách việc làm công và phương pháp dựa vào nguồn lực địa phương (LRB) trong các dự án CSHT thuộc CTMTQG GNBV tại địa phương.

Sau đó, trưởng thôn, đại diện BPT thôn (với sự hỗ trợ của cán bộ xã) phổ biến cho người dân về mục đích của việc lồng ghép chính sách việc làm công và cách áp dụng phương pháp dựa vào nguồn lực địa phương (LRB) vào việc thực hiện các dự án CSHT, đồng thời hướng dẫn về cách huy động và trả công cho lao động địa phương tham gia thực hiện dự án.

Ghi chú: Thực hiện chính sách việc làm công cần được bổ sung là một chủ đề trong các hoạt động thường xuyên về nâng cao năng lực thực hiện CTMTQG GNBV cho các bên liên quan (chủ đầu tư, bên thi công, cán bộ chuyên môn, cộng đồng dân cư).

Hướng dẫn các chủ đề tập huấn quan trọng về thực hiện chính sách việc làm công trong các dự án CSHT nêu ở Phụ lục IV.7.

2. Người dân đề xuất các dự án CSHT sử dụng nhiều lao động

Trong quá trình người dân ở các thôn thảo luận, đề xuất các dự án CSHT, cần quan tâm và ưu tiên lựa chọn (nếu phù hợp với nhu cầu và năng lực của cộng đồng) các dự án sử dụng nhiều lao động – chẳng hạn các dự án bê tông hóa đường giao thông nông thôn/kênh mương thủy lợi/sân phơi/sân trường, đào đắp/san nền, nâng cấp bờ kè, làm ruộng bậc thang, cung cấp nước sinh hoạt, duy tu, bảo dưỡng công trình...

Hướng dẫn về tỷ lệ chi phí nhân công trong tổng chi phí dự án đối với các loại công trình CSHT áp dụng phương pháp dựa vào nguồn lực địa phương nêu ở Phụ lục IV.8.



3. Thôn lập Danh mục đề xuất ý tưởng dự án

Ban phát triển thôn chuẩn bị danh mục các đề xuất ý tưởng dự án CSHT sử dụng nhiều lao động dựa trên ý kiến đóng góp, biểu quyết của người dân. Đề xuất ý tưởng dự án cần bao gồm các nội dung sau:

- Làm gì (mô tả dự án)?
- Làm ở đâu (địa điểm thực hiện)?
- Làm khi nào (thời gian thực hiện dự kiến)?
- Ai chịu trách nhiệm (phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện)?
- Khái toán tổng chi phí dự án (phần nhân dân đóng góp; phần cần hỗ trợ, trong đó có kinh phí dành cho việc làm công)?
- Làm như thế nào (cộng đồng có thể tự tổ chức thi công công trình hay không)? Số người, số ngày công lao động địa phương cần huy động?



BPT thôn (với sự hỗ trợ của cán bộ xã, người có chuyên môn kỹ thuật) điền đầy đủ thông tin vào biểu Danh mục đề xuất ý tưởng dự án theo mẫu trong Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện CTMTQG GNBV để trình lên cấp xã.

Công việc 2

Xã thảo luận, lựa chọn danh mục dự án CSHT thuộc CTMTQG GNBV

1. Lựa chọn ưu tiên các dự án CSHT

Bổ sung các tiêu chí lựa chọn ưu tiên về tạo việc làm công trong quá trình

thảo luận, lựa chọn danh mục dự án CSHT ở cấp xã. Có thể sử dụng các tiêu chí lựa chọn ưu tiên về tạo việc làm công sau đây:

- Phù hợp với cách tiếp cận sử dụng nguồn lực địa phương (LRB);
- Dự án sử dụng nhiều lao động (tỷ lệ chi phí nhân công trong tổng chi phí dự án);
- Số ngày công lao động tạo ra trên mỗi 1 triệu đồng ngân sách của Dự án;
- Tiềm năng tăng thu nhập, tạo việc làm lâu dài của các thành viên cộng đồng sau khi tham gia làm việc tại công trình.

Trong quá trình xét ưu tiên dự án CSHT, phải kiểm tra các dữ liệu về chi phí nhân công, hạng mục công trình tạo việc làm công và rà soát năng lực cộng đồng về huy động và quản lý lao động địa phương.

2. Lựa chọn phương thức thực hiện dự án

Với sự hỗ trợ của người có chuyên môn, ở cấp xã cần rà soát liệu cơ chế đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công theo phương pháp tiếp cận sử dụng nguồn lực địa phương (LRB) có thể áp dụng trong các dự án hay không, bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

- Dự án không đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật phức tạp (chẳng hạn các hạng mục công trình chủ yếu không bao gồm cầu, cống, đập bê tông, trạm bơm, nhà 2 tầng trở lên... lớn và phức tạp)?
- Một phần đáng kể nguyên vật liệu cần trong dự án có thể tìm kiếm tại địa phương (hoặc trong vòng 5km tính từ địa điểm công trường)?
- Một phần đáng kể công việc có thể được thực hiện bởi lao động phổ thông (chẳng hạn đào đắp đất, san nền, vận chuyển vật liệu, đổ bê tông đơn giản...)?
- Tỷ lệ chi phí nhân công trong tổng chi phí của dự án có nằm trong khoảng nêu ở Phụ lục IV.8 đối từng loại công trình cụ thể?
- Lao động phổ thông dư thừa tại địa phương (tại thôn hưởng lợi dự án) có đảm bảo ít nhất 2/3 nhu cầu lao động dự tính?

Nếu có từ một câu trả lời trở lên cho các câu hỏi nêu trên là KHÔNG, thì không nên áp dụng cơ chế đặc thù rút gọn và chính sách việc làm công trong dự án.

Hướng dẫn về rà soát, lựa chọn phương thức thực hiện dự án CSHT nêu ở Phụ lục IV.9.

Công việc 3**Ra quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Danh mục dự án nhóm C qui mô nhỏ áp dụng cơ chế đặc thù rút gọn**

Căn cứ vào Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh đối với danh mục dự án nhóm C qui mô nhỏ thuộc CTMTQG GNBV trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã ra văn bản Thông báo về danh mục dự án thuộc CTMTQG GNBV trên địa bàn xã được phê duyệt chủ trương áp dụng cơ chế đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công, tham khảo **mẫu ở Phụ lục IV.1**.

Công việc 4**Thông báo các công trình áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn**

Trưởng thôn, BPT thôn niêm yết Thông báo của UBND cấp xã về danh mục dự án thuộc CTMTQG GNBV được phê duyệt chủ trương áp dụng cơ chế đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công tại nhà văn hóa thôn và những nơi công cộng của thôn; phổ biến cho người dân qua các cuộc họp thôn, sinh hoạt đoàn thể, loa phát thanh của thôn và các hình thức khác.

Bước 2: Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình**Công việc 1****Lập Hồ sơ xây dựng công trình**

BPT thôn phối hợp với BQL cấp xã (với sự hỗ trợ của cán bộ chuyên môn cấp xã, cấp huyện) căn cứ vào khả năng huy động lao động và nguyên vật liệu địa phương có trách nhiệm lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với công trình áp dụng cơ chế đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công gửi UBND cấp xã thẩm định và phê duyệt.

Hồ sơ xây dựng công trình áp dụng cơ chế đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công tham khảo **mẫu ở Phụ lục IV.2**.

Trong hồ sơ xây dựng cần nêu rõ cơ chế tạo việc làm công cho người lao động trong công trình:

- Hạng mục, phạm vi, nội dung công việc thực hiện chính sách việc làm công;
- Mức trả công/đơn giá tiền công lao động (nêu rõ cho các công việc khác nhau, người có



trình độ tay nghề khác nhau) được xác định khi lập hồ sơ xây dựng, căn cứ vào đơn giá tiền công lao động đối với các công việc tương tự do các cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành, phù hợp với khả năng ngân sách và đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo qui định của Chính phủ³;

- Cách trả công (theo kết quả lao động);
- Người dân được trả tiền công khi tham gia lao động vượt quá mức đóng góp công lao động đã ghi trong hồ sơ xây dựng và thống nhất trong thôn, theo thỏa thuận sử dụng lao động với đại diện đơn vị thi công;
- Ngoài ra, đơn vị thi công trả tiền công trực tiếp cho người lao động khi huy động nhân công địa phương trong một số công việc do mình phụ trách (không liên quan đến việc đóng góp công lao động);
- Các chi phí cần thiết để đảm bảo chế độ cho người lao động, như chi phí thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động; chi phí bảo hiểm tai nạn lao động (nếu có).

Hướng dẫn về đảm bảo chế độ cho người lao động nêu ở Phụ lục IV.10.

Công việc 2	Hợp thôn thống nhất về các nội dung của hồ sơ xây dựng và đóng góp của nhân dân
--------------------	--

Trưởng thôn tổ chức họp dân. Trong cuộc họp, đại diện BPT thôn giới thiệu về hồ sơ xây dựng công trình; trong đó giới thiệu cụ thể về đóng góp của cộng đồng và cơ chế tạo việc làm công cho người lao động địa phương, bao gồm công việc, cách trả công theo kết quả lao động, mức trả công/đơn giá ngày công, số người/số ngày công cần huy động, các chế độ cho người lao động, các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động... để người dân tham gia đóng góp ý kiến.

BPT thôn phối hợp với BQL cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ xây dựng công trình theo các ý kiến thống nhất tại cuộc họp thôn.

Hướng dẫn về đóng góp lao động của cộng đồng nêu ở Phụ lục IV.11.

Công việc 3	Thông báo công khai nội dung biên bản họp thôn về hồ sơ xây dựng, việc đóng góp, tham gia xây dựng công trình
--------------------	--

Trưởng thôn và BPT thôn thông báo rộng rãi đến 100% người dân trong

(3) Theo Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ, mức lương tối thiểu được qui định theo 4 vùng, mức thấp nhất là 2.580.000 đồng/tháng, mức cao nhất là 3.750.000 đồng/tháng.

thôn các nội dung trong Biên bản họp thôn về công trình CSHT áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công.

Khi có bất kỳ ý kiến nào của người dân còn chưa đồng thuận về hồ sơ xây dựng hoặc về hình thức đóng góp, mức đóng góp trong công trình, cơ chế tạo việc làm công BPT thôn cần giải quyết kịp thời qua giải thích, vận động, thuyết phục; trường hợp cần thiết phải họp thôn lại để bàn bạc, thống nhất hồ sơ và hình thức đóng góp, mức đóng góp của người dân, cơ chế tạo việc làm công.

Công việc 4

Thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình

Nội dung thẩm định liên quan đến thực hiện chính sách việc làm công:

- Tính khả thi khi xây dựng công trình dựa vào nguồn lực địa phương (nhân công, vật liệu); nhu cầu và khả năng tự quản lý, tổ chức thực hiện của nhân dân và cộng đồng được giao thi công;
- Cơ chế tạo việc làm công;
- Tỷ lệ chi phí nhân công trong tổng chi phí dự án;
- Số lao động, số ngày công được tạo ra;
- Tính hợp lý của đơn giá ngày công;
- Tăng thu nhập và tạo việc làm cho lao động địa phương.



UBND cấp xã ra quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình áp dụng cơ chế đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công, sau khi hồ sơ công trình được bổ sung đầy đủ thông tin cần thiết và được hoàn thiện dựa trên báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định và ý kiến của Thường trực HĐND cấp xã, tham khảo **mẫu ở Phụ lục IV.3**

Công việc 5

Cấp mã dự án đầu tư

Thực hiện theo qui định hiện hành, tham khảo Sổ tay *Hướng dẫn thực hiện hợp phần CSHT trong CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 theo cơ chế đặc thù rút gọn.*

Công việc 6

Thông báo dự án thực hiện chính sách việc làm công

Sau khi hoàn thành các công việc chuẩn bị đầu tư, UBND cấp xã ban hành Thông báo dự án CSHT thực hiện chính sách việc làm công, bao gồm các nội dung:

- Phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện;
- Chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được;
- Nhu cầu sử dụng lao động tham gia thực hiện chính sách việc làm công.

UBND cấp xã niêm yết công khai Thông báo tại trụ sở, các nơi sinh hoạt cộng đồng và thông báo trên các phương tiện truyền thông của cấp xã.

Trưởng thôn, BPT thôn nơi triển khai dự án phổ biến Thông báo của UBND cấp xã cho người dân qua các cuộc họp thôn, sinh hoạt đoàn thể, loa phát thanh của thôn và các hình thức khác.

Công việc 7

Người dân đăng ký tham gia dự án thực hiện chính sách việc làm công

Người lao động có nhu cầu tham gia chính sách việc làm công đăng ký tham gia dự án với UBND cấp xã nơi cư trú hợp pháp. Đơn đăng ký tham khảo **mẫu ở Phụ lục IV.4.**

BQL cấp xã, Trưởng thôn, BPT thôn tại địa bàn dự án hỗ trợ người dân trong việc hoàn thành các bản đăng ký và nộp cho UBND cấp xã.

BQL cấp xã tổng hợp danh sách người dân đăng ký, xác định các đối tượng ưu tiên để làm cơ sở huy động lao động và triển khai dự án thực hiện chính sách việc làm công.

Giai đoạn II. Thực hiện đầu tư

Bước 3: Lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện công trình

Công việc 1

Dự thảo hợp đồng, thông báo mời tham gia thực hiện gói thầu, nộp đơn đăng ký thực hiện gói thầu

BQL cấp xã dự thảo hợp đồng của gói thầu, trong đó bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, quyền và nghĩa vụ của các bên, các qui định và cơ chế tạo việc làm công (*công việc, cách trả công, mức trả công/đơn giá ngày công, số người/số ngày công cần huy động, các chế độ cho người lao động, các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động*).

BQL cấp xã lập và niêm yết công khai Thông báo mời tham gia thực hiện gói thầu. Trong các tiêu chí lựa chọn đơn vị thi công nêu trong bản Thông báo, có tiêu chí về thực hiện cơ chế tạo việc làm công.

Công việc 2

Họp bàn về phương án thực hiện gói thầu, lựa chọn đơn vị thực hiện công trình và ký hợp đồng

BQL cấp xã phối hợp với BPT thôn tổ chức cuộc họp với cộng đồng dân cư hưởng lợi để bàn về phương án thực hiện gói thầu, trong đó bàn và thống nhất về mức trả công/đơn giá ngày công, số người/số ngày công cần huy động...

Sau đó, BQL cấp xã tổ chức họp riêng để xem xét và lựa chọn ra cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể hoặc tổ, nhóm thợ tốt nhất để thực hiện công trình theo các tiêu chí lựa chọn đã nêu trong Thông báo về việc mời tham gia thực hiện gói thầu, trong đó chú trọng tiêu chí thực hiện chính sách việc làm công.

BQL cấp xã mời đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể hoặc tổ, nhóm thợ được lựa chọn vào đàm phán và ký hợp đồng thi công theo hình thức hợp đồng trọn gói.

Các điều khoản bổ sung về thực hiện chính sách việc làm công trong hợp đồng thi công tham khảo mẫu ở Phụ lục IV.5.

Bước 4: Thi công công trình

Đơn vị thi công (cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ) tổ chức thi công gói thầu theo đúng hợp đồng đã ký với BQL cấp xã.

UBND cấp xã phối hợp với đại diện đơn vị thi công, các tổ chức đoàn thể, đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi từ dự án lựa chọn người lao động tham

gia chính sách việc làm công trong danh sách người lao động đăng ký tham gia theo thứ tự ưu tiên đã qui định.

Đại diện đơn vị thi công huy động, quản lý, sử dụng và trả công người dân tham gia lao động trong công trình theo cơ chế tạo việc làm công đã qui định trong hồ sơ xây dựng công trình được phê duyệt và hợp đồng thi công ký với BQL cấp xã.

UBND cấp huyện có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ thi công đối với công trình do UBND cấp xã thực hiện. UBND cấp xã có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ thi công đối với công trình do thôn thực hiện.

Hướng dẫn về huy động, lựa chọn ưu tiên và trả công cho người lao động nêu ở Phụ lục IV.12.

Bước 5: Giám sát thi công công trình

Cán bộ chuyên môn hỗ trợ thi công công trình và các bên liên quan có trách nhiệm giám sát việc thực hiện chính sách việc làm công trong dự án.

Hướng dẫn về giám sát, báo cáo và đánh giá tác động nêu ở Phụ lục IV.13.



Bước 6: Tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành

UBND cấp xã thực hiện các thủ tục với Kho bạc Nhà nước để tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng thi công và các công việc khác được thực hiện không thông qua hợp đồng thi công, bằng tiền mặt hoặc chứng từ chuyển khoản thông qua Người đại diện đơn vị thi công (cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ) theo các qui định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Người đại diện đơn vị thi công thanh toán tiền công trực tiếp bằng tiền mặt cho người dân tham gia lao động trong công trình theo bảng chấm công, phù hợp với các điều khoản về việc làm công ghi trong hợp đồng thi công đã ký với BQL cấp xã.

Bảng chấm công tham khảo mẫu ở Phụ lục IV.6.

BQL cấp xã, BPT thôn và Ban GSCĐ có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

Bước 7: Nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành

Thực hiện theo Sổ tay *Hướng dẫn thực hiện hợp phần CSHT trong CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 theo cơ chế đặc thù rút gọn.*

Bước 8: Bàn giao công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng

Thực hiện theo Sổ tay *Hướng dẫn thực hiện hợp phần CSHT trong CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 theo cơ chế đặc thù rút gọn.*



Giai đoạn III. Sau đầu tư

Bước 9: Quyết toán vốn, công khai tài chính

Việc thực hiện quyết toán vốn đầu tư hàng năm và quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo các qui định tại Điều 12 và Điều 13 Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

BPT thôn phối hợp với đại diện BQL cấp xã tổ chức họp thôn (có thể kết hợp với cuộc họp thôn về những vấn đề khác) để công khai quyết toán công trình cho người dân biết, trong đó giải trình rõ về việc thực hiện chính sách việc làm công trong dự án (*công việc, cách trả công, mức trả công/đơn giá ngày công, số người/số ngày công đã huy động, các chế độ cho người lao động, các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động đã thực hiện*).

Bước 10: Vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình

Trong dự toán kinh phí sự nghiệp cho các dự án, hoạt động duy tu bảo dưỡng công trình cần nêu rõ phần vật tư, công kỹ thuật, thuê máy móc để nghị Ngân sách nhà nước hỗ trợ; công lao động, nguyên vật liệu tại chỗ do nhân dân đóng góp; phần công lao động được trả tiền theo cơ chế tạo việc làm công.

Việc lập dự toán, giao dự toán, phân bổ sự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng do cấp xã làm chủ đầu tư có sự tham gia của cộng đồng thực hiện theo các qui định tại Điều 5 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Việc lập dự toán, giao dự toán, phân bổ sự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng đối với các dự án, hoạt động duy tu bảo dưỡng khác (thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi, chỉ định thầu, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, tự thực hiện) thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính.

III.2 Lồng ghép chính sách việc làm công vào việc thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng khác

Qui trình thực hiện các dự án CSHT được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước của CTMTQG GNBV nhưng do nhà thầu bên ngoài thực hiện thông qua đấu thầu hoặc chỉ định thầu theo các qui định chung hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng. Một số hướng dẫn bổ sung về lồng ghép chính sách việc làm công trong các dự án CSHT do nhà thầu bên ngoài thực hiện như sau:

Thông báo dự án thực hiện chính sách việc làm công:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện làm chủ đầu tư dự án CSHT thông báo cho UBND cấp xã nơi có dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện; chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được và nhu cầu sử dụng lao động tham gia thực hiện chính sách việc làm công;

- UBND cấp xã thông báo các nội dung của dự án thực hiện chính sách việc làm công như hướng dẫn ở **Công việc 6, Bước 2** ở mục III.1 Phần này.

Người dân đăng ký tham gia dự án thực hiện chính sách việc làm công:

- Người lao động có nhu cầu tham gia chính sách việc làm công đăng ký tham gia dự án với UBND cấp xã nơi cư trú hợp pháp. Tham khảo **mẫu ở Phụ lục IV.4**.

Lập dự toán công trình:

- Trong dự toán công trình phải ghi rõ chi phí dành riêng cho việc sử dụng lao động địa phương, thực hiện các chế độ đối với người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lập hồ sơ mời thầu:

- Trong hồ sơ mời thầu phải quy định nhà thầu tham dự thầu đề xuất phương án sử dụng lao động địa phương thuộc đối tượng tham gia chính sách việc làm công (*bao gồm: phạm vi và qui mô công việc, số người và số ngày công, mức tiền công, cơ chế trả tiền công, đảm bảo chế độ cho người lao động...*).

Cam kết của nhà thầu về thực hiện chính sách việc làm công:

- Nhà thầu phải ký cam kết với UBND cấp xã về việc sử dụng lao động địa phương cho những hạng mục công việc phù hợp, kèm theo cam kết về mức trả công, điều kiện lao động theo các qui định của chính sách việc làm công và phù hợp với hồ sơ dự án, dự toán công trình được phê duyệt. Tham khảo **mẫu ở Phụ lục IV.5**.

- UBND cấp xã phối hợp với đại diện nhà thầu, các tổ chức đoàn thể, đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi từ dự án lựa chọn người lao động tham gia chính sách việc làm công trong danh sách người lao động đăng ký tham gia theo thứ tự ưu tiên đã qui định. Tham khảo **Phụ lục IV.12**.

- Nhà thầu có sử dụng lao động tham gia chính sách việc làm công phải giao kết hợp đồng lao động với người lao động và đảm bảo thực hiện các chế độ đối với người lao động theo qui định của pháp luật lao động và chính sách việc làm công. **Tham khảo Phụ lục IV.11**.

- UBND cấp xã giám sát việc thực hiện cơ chế tạo việc làm công trong các công trình trên địa bàn, xử lý kịp thời và báo cáo UBND cấp huyện về những trường hợp nhà thầu không thực hiện đúng cam kết đã ký.

III.3 Lồng ghép chính sách việc làm công vào việc thực hiện các dự án, hoạt động duy tu, bảo dưỡng công trình

- Như Bước 10 của quy trình thực hiện dự án có sự tham gia của cộng đồng theo cơ chế đặc thù rút gọn ở mục III.1 Phần này.

III.4 Lồng ghép chính sách việc làm công vào việc thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo (dự án xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công)

- Nếu dự án có sự tham gia của cộng đồng theo cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn thì tham khảo quy trình thực hiện ở mục III.1 Phần này. Nếu dự án giao cho nhà thầu bên ngoài thực hiện thì tham khảo hướng dẫn bổ sung ở mục 2 Phần này;

- Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định mức tiền công của người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trong dự án xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công theo chế độ và định mức chi tiêu hiện hành (theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2017 của Bộ Tài chính);

- Cơ chế chi trả tiền công (phân chia kết quả dự án) giữa những người tham gia dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ không nghèo cần được nêu rõ trong quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền;

- Việc quản lý và sử dụng nguồn vốn sự nghiệp trong dự án xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thực hiện theo các quy định của Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2017 của Bộ Tài chính.



IV. PHỤ LỤC

Phụ lục IV.1: Mẫu Thông báo danh mục dự án CSHT được phê duyệt chủ trương áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công trên địa bàn xã

UBND xã.....

Số:...../TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO

Danh mục dự án CSHT thuộc CTMTQG GNBV được phê duyệt chủ trương áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công trên địa bàn xã

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 2/12/2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các CTMTQG giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UB ngày/...../..... của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm C qui mô nhỏ thuộc CTMTQG GNBV năm 20.....

Căn cứ Kế hoạch thực hiện CTMTQG GNBV năm 20..... của xã

THÔNG BÁO

Điều 1. Danh mục các dự án CSHT thuộc nguồn vốn CTMTQG GNBV năm 20..... được phê duyệt chủ trương áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công trên địa bàn xã như sau:

STT	Dự án CSHT	ĐVT	Số lượng	Địa điểm	Nguồn lực dự kiến (1.000đ)				Tên nguồn ngân sách	Áp dụng cơ chế đặc thù rút gọn	Thực hiện chính sách việc làm công
					Tổng số	Dân góp	Ngân sách	Nguồn khác			

Điều 2. Ban quản lý các CTMTQG cấp xã, các ban, ngành, đoàn thể xã, các Ban phát triển thôn và cá nhân, tổ chức có liên quan trong xã chịu trách nhiệm lập hồ sơ xây dựng công trình nêu trong Thông báo này và thực hiện các công việc khác liên quan.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (để thực hiện);
- HĐND cấp xã (để b/c);
- Lưu: VT (...)

Chủ tịch UBND xã

(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV.2: Mẫu Hồ sơ xây dựng công trình áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công

UBND xã.....
BAN PHÁT TRIỂN THÔN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

HỒ SƠ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã.....

- Ban quản lý các CTMTQG cấp xã

Căn cứ Thông báo số/TB-UBND ngày/...../..... của UBND xã về danh mục công trình thuộc CTMTQG GNBV được phê duyệt chủ trương áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công trên địa bàn xã.

Ban phát triển thôn lập hồ sơ xây dựng công trình..... như sau:

I. Nội dung của hồ sơ xây dựng công trình:

1. Tên công trình:
2. Mục tiêu đầu tư:
3. Công trình khởi công mới/ hoặc công trình chuyển tiếp:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Chủ đầu tư:
6. Quy mô công trình:
7. Mô tả thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình:
Bản vẽ thi công đơn giản kèm theo (nếu có) theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình.
8. Thời gian thực hiện (khởi công - hoàn thành):
9. Hình thức thi công, khả năng tự thực hiện của cộng đồng, người dân hưởng lợi:
10. Cơ chế tạo việc làm công cho người lao động (có thể lập thành biểu riêng kèm theo):
 - Công việc (nội dung, phạm vi công việc): ...

- Cách trả công (theo kết quả lao động): ...
 - Đơn giá tiền công (cho các công việc khác nhau, người có tay nghề khác nhau): ...
 - Dự kiến số ngày công, số lao động, loại lao động cần tuyển: ...
 - Các chế độ cho người lao động, đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động: ...
11. Bảng kê chi phí xây dựng (có thể lập thành biểu riêng kèm theo):

TT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Định mức (cho 1 ĐVT)	Số lượng	Khối lượng	Đơn giá (1.000đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A	CHI PHÍ VẬT LIỆU (VL)							
1	Xi măng	Tấn						
2	Đá dăm	m ³						
3	Cát	m ³						
4	Thép	kg						
5	Gạch	viên						
6	Gỗ, ván khuôn	m ³						
	...							
B	CHI PHÍ MÁY THI CÔNG (MTC)							
1	Máy trộn bê tông	ca						
2	Máy cắt uốn thép	ca						
3	Máy đầm bàn	ca						
	...							
C	CHI PHÍ NHÂN CÔNG (NC)							
1	Nhân công đào	công						
2	Nhân công đắp	công						
3	Nhân công đổ bê tông	công						
							
D	NỘI DUNG KHÁC							
1	Chi phí quản lý							
2	Bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện (nếu có)							
3	An toàn, vệ sinh lao động (nước uống, vệ sinh, y tế, lều bạt...)							

4	Dụng cụ bảo hộ lao động						
5	Công cụ lao động cầm tay						
						
TỔNG CỘNG							

II. Ban Phát triển thôn đề nghị như sau:

1. Nhà nước hỗ trợ:

+ Khối lượng vật liệu (ghi rõ từng loại vật liệu); tiền triệu đồng;

+ Chi phí quản lý: triệu đồng

2. Dự kiến mức đóng góp của nhân dân: triệu đồng (nếu đóng góp nhân công, nguyên vật liệu... thì quy ra tiền), gồm: Nhân công: triệu đồng, nguyên vật liệu tại chỗ: triệu đồng; tiền mặt: triệu đồng; đất và tài sản trên đất: (ghi rõ từng loại đóng góp).

3. Dự kiến các nguồn huy động khác: triệu đồng.

4. Dự kiến tổng số ngày công và chi phí nhân công thực hiện chính sách việc làm công: ngày công; tương đương triệu đồng.

Ban Phát triển thôn đề nghị UBND xã, Ban quản lý các CTMTQG xã thẩm định và phê duyệt./.

Nơi nhận:

BAN PHÁT TRIỂN THÔN

- Như trên;

- Lưu....

Ghi chú về thông tin bảng kê chi phí xây dựng:

- (4): Định mức được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền (theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình) về lượng vật liệu, máy thi công, nhân công cho 1 đơn vị tính - ĐVT (1km kênh mương, 1 km đường giao thông, 1 công trình nhà văn hóa...);

- (5): Số lượng thực tế của công trình (ví dụ: 3 km đường, 2 km kênh, 5 cống...);

- (6): Khối lượng (VL, MTC, NC) = (4)*(5);

- (7): Đơn giá VL, MTC, NC theo giá trị trường tại thời điểm lập dự toán;

- (8): Tổng chi phí thành tiền = (6)*(7);

- (9): Ghi chú rõ từng hạng mục là mua/thuê ngoài, hoặc đóng góp của nhân dân, hoặc chi trả cho người lao động theo chính sách việc làm công.

Phụ lục IV.3: Mẫu Quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình

UBND xã.....

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình

.....

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ xây dựng công trình ngày... tháng... năm 20... của Tổ thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình..... kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Tổng mức đầu tư công trình là đồng. Nguồn vốn thực hiện từ ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 20..., đóng góp của người dân và cộng đồng, và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 3: Công trình được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn và thực hiện chính sách việc làm công.

Điều 4: Giao phụ trách quản lý sử dụng nguồn vốn theo đúng hồ sơ xây dựng công trình được duyệt.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- HĐND cấp xã (để b/c);
- Lưu: VT (...)

Chủ tịch UBND xã

(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV.4: Mẫu Đơn đăng ký tham gia dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công

(Theo qui định tại Thông tư số 11/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VIỆC LÀM CÔNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

THÔNG TIN CÁ NHÂN:

Họ và Tên:

Số CMND/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Giới tính (nam/nữ):

Ngày, tháng, năm sinh:

Địa chỉ cư trú: thôn xã..... huyện..... tỉnh.....

Trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ kỹ năng nghề (nếu có):

Kinh nghiệm làm việc (nếu có):

DIỆN ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN:

(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

CÓ KHÔNG Hệ số ưu tiên

Người dân tộc thiểu số
Người thuộc hộ nghèo
Người thuộc hộ cận nghèo
Người thuộc hộ mới thoát nghèo
Người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp
Người chưa có việc làm
Người thiếu việc làm
Người thuộc hộ gia đình sản xuất nông nghiệp là chủ yếu

CÓ	KHÔNG	Hệ số ưu tiên
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

Chữ ký (hoặc điểm chỉ): ...

Ngày, tháng, năm: ...

Ghi chú: Cột "Hệ số ưu tiên" do BQL cấp xã/BPT thôn điền.

Phụ lục IV.5: Mẫu Các điều khoản bổ sung về thực hiện chính sách việc làm công trong hợp đồng thi công

Dưới đây là mẫu các điều khoản cơ bản về trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện chính sách việc làm công, cần được cụ thể hóa và điều chỉnh phù hợp với điều kiện địa phương đối với từng công trình, và được đính kèm như một phụ lục của hợp đồng thi công gói thầu.

Đối với công trình áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn (không áp dụng hợp đồng lao động cá nhân), các điều khoản bổ sung này đóng vai trò như thỏa thuận lao động tập thể giữa Chủ đầu tư, Bên thi công và những người lao động địa phương làm việc theo hình thức cộng đồng.

Trách nhiệm của các bên về thực hiện chính sách việc làm công

Phụ lục..... của Hợp đồng thi công số..... ký ngày..... giữa BQL các CTMTTQG xã..... (Bên A) và Bên thi công..... (bên B).

1. Trách nhiệm của Bên A:

a) Tạo điều kiện để người lao động được làm việc trong môi trường an toàn, vệ sinh lao động và được hưởng các chế độ về hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, tham gia và hưởng bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện do Chính phủ quy định;

b) Cung cấp thông tin về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương;

c) Mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và bảo hiểm bắt buộc đối với trách nhiệm nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Bên B:

a) Cam kết tuyển dụng ít nhất ... lao động tại địa phương (xã, thôn: ...), trong đó có ... lao động phổ thông, ... phụ nữ với tổng số ngày công ít nhất là ...;

b) Tuyển dụng lao động cư trú hợp pháp tại địa phương trong danh sách lao động đã đăng ký do Bên A cung cấp và theo thứ tự ưu tiên có sự thỏa thuận với Bên A và cộng đồng hưởng lợi;

c) Phối hợp với chủ đầu tư tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động;

d) Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với qui định của pháp luật lao động, phù hợp với hồ sơ xây dựng công trình và dự toán được phê duyệt (về cung cấp nước uống, tiện ích vệ sinh, gói sơ cứu y tế, dụng cụ bảo hộ lao động, lều bạt, công cụ lao động cầm tay... ..);

e) Mua bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện, theo thỏa thuận với người lao động;

f) Đảm bảo thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi của người lao động theo qui định;

g) Tổ chức chấm công, quản lý lao động, trả tiền công cho người lao động theo cơ chế trả công và các mức tiền công: phù hợp với hồ sơ xây dựng công trình và dự toán được phê duyệt;

h) Xây dựng và thực hiện hệ thống biểu mẫu, báo cáo, giám sát, xử lý khiếu nại, xử lý vi phạm thực hiện chính sách việc làm công theo qui định.

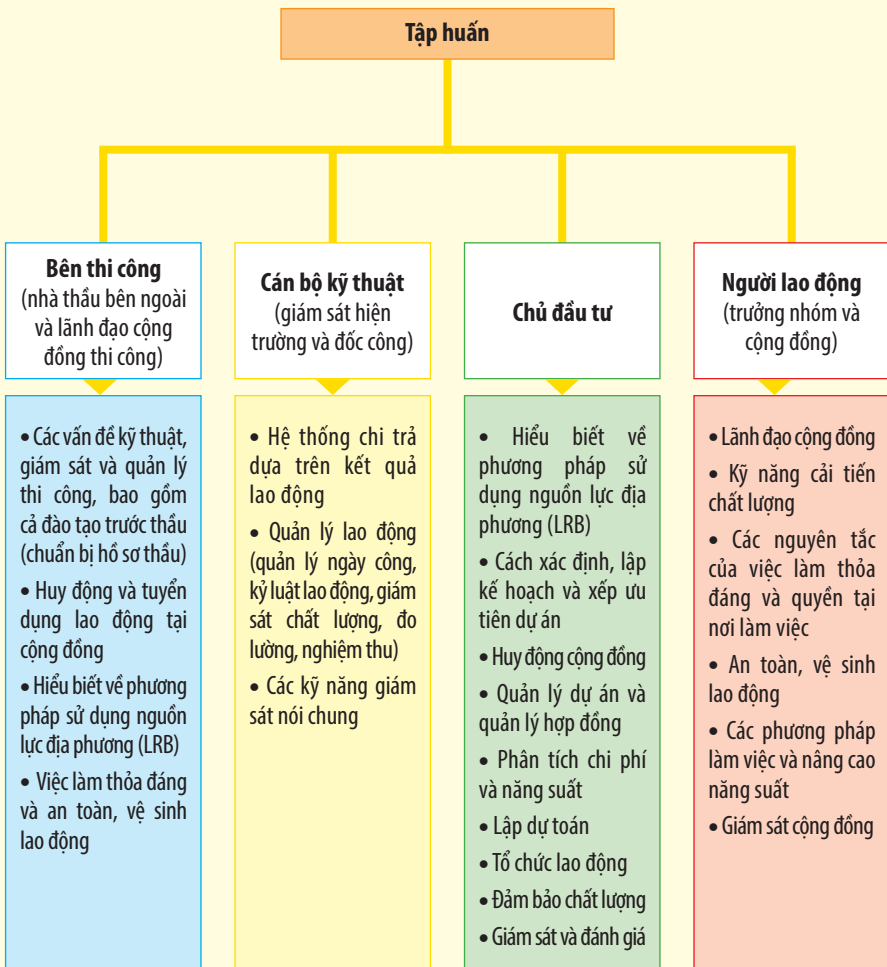
ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

(...) là những chỗ cần điền thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa bên thi công và người lao động, phù hợp với hồ sơ xây dựng và dự toán công trình đã được phê duyệt, phù hợp với qui định của pháp luật lao động và thực hiện chính sách việc làm công.

Phụ lục IV.7: Hướng dẫn các chủ đề tập huấn quan trọng về thực hiện chính sách việc làm công

Đối với việc thực hiện chính sách việc làm công trong CTMTQG GNBV, có 4 nhóm đối tượng với nhu cầu tập huấn đặc thù nhưng có liên quan đến nhau. Một số chủ đề tập huấn (chẳng hạn phương pháp dựa vào nguồn lực địa phương và an toàn, vệ sinh lao động) có sự trùng lặp, nhưng mỗi nhóm đối tượng sẽ tập trung vào cách áp dụng phù hợp với từng chủ đề.



Những vấn đề chính cần quan tâm trong tập huấn là:

- Sử dụng ngân sách của hợp phần nâng cao năng lực và đào tạo nghề trong các CTMTQG và các nguồn vốn khác để tổ chức tập huấn thực hiện chính sách việc làm công;
- Đào tạo một nhóm nòng cốt cán bộ kỹ thuật/kỹ sư ở cấp tỉnh, cấp huyện tập trung vào các nội dung về phương pháp sử dụng nguồn lực địa phương và thực hiện chính sách việc làm công, sau đó nhóm nòng cốt này sẽ lan tỏa các kiến thức và kỹ năng tại các cấp cơ sở trong tỉnh, huyện (phương pháp tập huấn lan truyền/tập huấn tiểu giảng viên nguồn - TOT);
- Phương pháp tập huấn có thể kết hợp giữa giảng dạy trên lớp, vừa học vừa làm và hướng dẫn tại chỗ (cầm tay chỉ việc);
- Nội dung tập huấn nên bao gồm cả cách lựa chọn ưu tiên người lao động, huy động cộng đồng, giám sát và duy tu, bảo dưỡng.

MỘT SỐ NỘI DUNG TẬP HUẤN CHO CỘNG ĐỒNG VÀ CÁC NHÀ THẦU NHỎ KHI TRIỂN KHAI CÁC CÔNG TRÌNH CSHT SỬ DỤNG NGUỒN LỰC ĐỊA PHƯƠNG



Tổ chức và đào tạo lao động
- nêu rõ trong hợp đồng



Xác định rõ công việc



Các nhóm lao động cân bằng
để đạt năng suất cao



Tập huấn cho người giám sát
- trên lớp + vừa học vừa làm



Tập huấn trước thầu
cho nhà thầu



Huy động
và tổ chức cộng đồng



Chi trả dựa trên chấm công
và giao việc



Quy trình chi trả minh bạch



An toàn và vệ sinh lao động
- nêu rõ trong hợp đồng

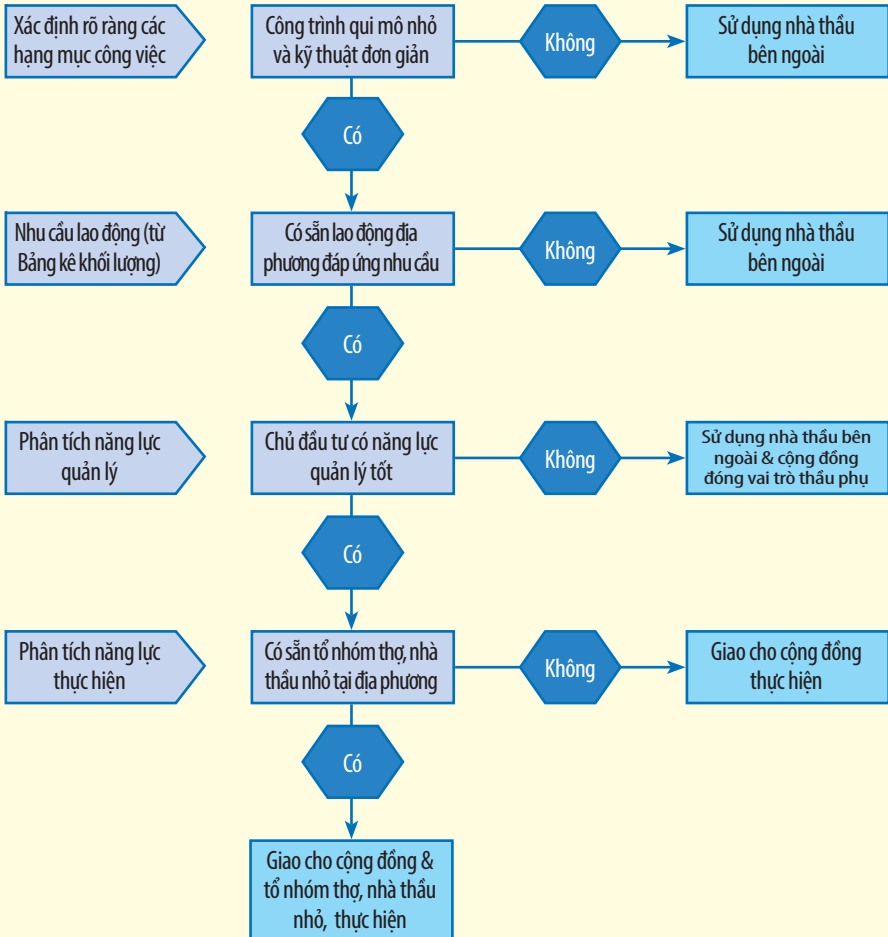
Phụ lục IV.8: Hướng dẫn về tỷ lệ chi phí nhân công trong tổng chi phí dự án đối với các loại công trình CSHT áp dụng phương pháp dựa vào nguồn lực địa phương

Ghi chú: Danh sách này chỉ cung cấp các số liệu gợi ý đối với các dự án trong một số lĩnh vực. Các số liệu này dựa trên kinh nghiệm quốc tế. Tùy thuộc vào bối cảnh địa phương, khối lượng sử dụng lao động trong từng dự án có thể thay đổi. Các dự án khác, không được liệt kê trong danh sách này, cũng có thể phù hợp để áp dụng phương pháp dựa vào nguồn lực địa phương (LRB). Các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật sẽ đánh giá từng dự án cụ thể.

	Loại dự án trong một số lĩnh vực xây dựng	Khoảng tỷ lệ chi phí lao động trong tổng chi phí dự án – khi áp dụng phương pháp dựa vào nguồn lực địa phương (LRB)
1	Đường giao thông nông thôn và đô thị	
1.1	Xây dựng, cải tạo đường giao thông lưu lượng thấp không cứng hóa	40-70%
1.2	Xây dựng, cải tạo đường giao thông lưu lượng thấp cứng hóa	20-50%
1.3	Duy tu, bảo trì không bao gồm mặt đường đối với tất cả các loại đường và duy tu, bảo trì đường không cứng hóa	75-85%
2	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	
2.1	Làm ruộng bậc thang và phát triển đất	50-70%
2.2	Trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng (dựa vào cộng đồng)	40-70%
2.3	Các công việc quản lý nước và cải tạo đất đơn giản, như đập đất/đập tạm, ao, mương máng	40-70%
2.4	Làm ao hồ nuôi trồng thủy sản	70-80%
2.5	Các công việc chống lũ, chỉnh trị sông suối, thoát nước đơn giản	40-60%
3	Thủy lợi tự chảy (dựa vào cộng đồng)	
3.1	Xây dựng, cải tạo công trình thủy lợi tự chảy đơn giản	40-70%
3.2	Khoi thông kênh mương, hồ chứa của công trình thủy lợi	50-80%
4	Công trình điện, cấp nước, vệ sinh	
4.1	Đào đắp hào để đặt ống nước và dây cáp điện	60-80%
4.2	Các dự án cung cấp nước cộng đồng và dự án vệ sinh nhỏ và đơn giản	30-50%

Phụ lục IV.9: Hướng dẫn về rà soát, lựa chọn phương thức thực hiện dự án CSHT

Việc rà soát, lựa chọn phương thức thực hiện dự án CSHT áp dụng phương pháp tiếp cận dựa vào nguồn lực địa phương (LRB) và thực hiện chính sách việc làm công theo qui trình sau đây:



Phụ lục IV.10: Hướng dẫn về đảm bảo chế độ cho người lao động

Điều 6 Thông tư số 11/2017/TT-BLĐTBXH đã quy định về các chế độ an toàn, vệ sinh lao động mà người lao động được hưởng; các nghĩa vụ của người lao động về an toàn, vệ sinh lao động; và trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động (xem mục III.3 Phần I của Sổ tay này).

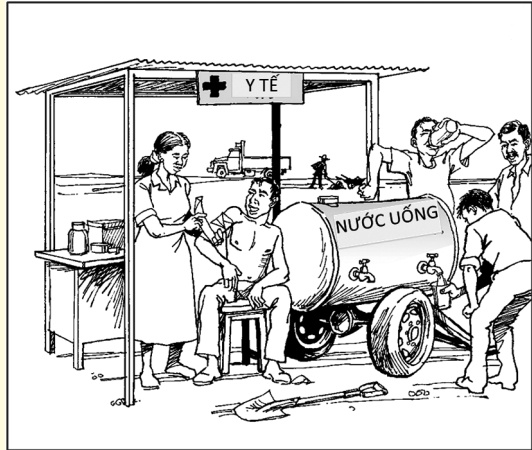
Mặc dù các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động tốn một số kinh phí nhất định, nhưng bù lại sẽ giúp tăng năng suất lao động. Thông thường, một khoản ngân sách nhỏ (không quá 2-3% tổng chi phí dự án) được dành cho các biện pháp này.

Trong xây dựng các công trình nhỏ và đơn giản các rủi ro thông thường bao gồm:

- Khó chịu và ốm do thiếu nước uống an toàn;
- Phơi nắng, gió hoặc mưa quá mức;
- Thiếu tiện ích vệ sinh cơ bản;
- Thương tích nhẹ do tiếp xúc với vật liệu hoặc máy móc/công cụ, do địa hình công trường;
- Mệt mỏi do thời gian làm việc dài và thiếu thời gian nghỉ giữa giờ.

Các rủi ro này cần được xử lý bởi chủ đầu tư và nhà thầu/bên thi công ngay từ khâu lập hồ sơ xây dựng và dự toán công trình bằng cách dự trù và thực hiện các biện pháp sau:

- GóI sơ cứu y tế đối với các thương tích nhỏ (và người được đào tạo về sơ cứu y tế);
- Nước uống an toàn;
- Lán trại/nơi che nắng nghỉ giữa giờ;



Các biện pháp đơn giản để ứng phó với rủi ro thông thường

- Tiện ích vệ sinh (nhà vệ sinh và rửa tay);
- Tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động;
- Cung cấp dụng cụ bảo hộ lao động cơ bản (ủng, găng tay, mũ bảo hiểm...) và đảm bảo người lao động sử dụng chúng.

Đối với các rủi ro nghiêm trọng ít gặp như thương tích nặng do sự cố vận hành máy móc hoặc công trường không an toàn, có thể giảm thiểu các mối nguy hiểm bằng cách tập huấn cách sử dụng máy móc, sử dụng người vận hành đã qua đào tạo, đặt các biển cảnh báo phù hợp, áp dụng các biện pháp bảo hộ tăng cường, và dự trù các tình huống khẩn cấp chẳng hạn cấp cứu y tế.

Theo qui định tại Thông tư số 11/2017/TT-BLĐTBXH, người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng (không có hợp đồng lao động cá nhân) được quyền tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện (theo thỏa thuận với Chủ đầu tư/Bên thi công) theo qui định của Chính phủ. Đối với người lao động làm việc có hợp đồng cá nhân, nhà thầu có trách nhiệm mua bảo hiểm bắt buộc cho người lao động thi công trên công trường theo qui định tại Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

Phụ lục IV.11: Hướng dẫn về đóng góp lao động của cộng đồng

Chủ đầu tư cần xác định cẩn thận khối lượng công lao động đóng góp tự nguyện thông qua tham vấn cộng đồng, để có thể tính toán tương đối chính xác nhu cầu lao động và chi phí lao động.

Các khía cạnh sau đây cần được xem xét khi quyết định về đóng góp lao động của cộng đồng:

- **Đảm bảo đóng góp lao động là tự nguyện**, bằng cách thúc đẩy cộng đồng tham gia vào lập kế hoạch, đảm bảo đóng góp lao động trong khả năng của cộng đồng và giới hạn qui mô công việc. Nếu việc đóng góp lao động không thực sự tự nguyện hoặc vượt quá khả năng của cộng đồng sẽ dẫn đến làm giảm động lực và năng suất làm việc, giảm chất lượng công việc, thiếu tính sở hữu của cộng đồng, thậm chí mang tính cưỡng bức/bóc lột (trái với Công ước về chống lao động cưỡng bức);

- **Lưu ý và qui đổi thành tiền các dạng đóng góp khác**, thay vì đóng góp lao động miễn phí, chẳng hạn vật liệu địa phương, tiền, thời gian chuẩn bị, thiết kế và giám sát công trình;

• **Điều chỉnh mức đóng góp lao động tùy thuộc vào hoàn cảnh hộ gia đình,** miễn giảm một số trường hợp tùy theo họ hưởng lợi trực tiếp hay gián tiếp hoặc họ có thuộc hộ gia đình nghèo, khó khăn hay không;

• **Điều chỉnh mức đóng góp tùy theo loại dự án** – đóng góp có thể bằng 0 với công trình hạ tầng công cộng lớn, và đóng góp nhiều hơn với dự án chỉ có một số hộ hưởng lợi.

Cần cân nhắc kỹ lưỡng mối tương quan giữa đóng góp công lao động và thực hiện chính sách việc làm công trong công trình, vì hai cách làm này có ý nghĩa trái ngược (lao động miễn phí và lao động được trả công).

Trên thực tế, người dân được trả tiền công khi tham gia lao động vượt quá mức đóng góp công lao động đã ghi trong hồ sơ xây dựng và thống nhất trong thôn, theo thỏa thuận sử dụng lao động với đại diện đơn vị thi công (phù hợp với danh sách lao động đăng ký và thứ tự ưu tiên đã xác định).

Ví dụ, theo thỏa thuận trong thôn mỗi người đóng góp 5 ngày công lao động để xây dựng công trình; nhưng một người làm 10 ngày công, thì người đó sẽ được trả công cho 5 ngày dư theo cơ chế việc làm công.

Một ví dụ khác, theo thỏa thuận trong thôn mỗi người đóng góp 5 ngày công lao động, nhưng yêu cầu lao động để hoàn thành công trình là 10 ngày công, thì cộng đồng có thể tự thỏa thuận theo cách mỗi người sẽ được trả tiền công theo mức tiền công bằng một nửa so với mức tiền công đã xác định theo cơ chế việc làm công.

ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đảm bảo động lực làm việc của người lao động rất quan trọng nhằm tối đa hóa năng suất lao động. Cần cân nhắc các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc sau đây:

- Điều kiện làm việc thỏa đáng và có sự trao đổi thông tin hiệu quả giữa người lao động và bên thi công, chủ đầu tư;
- Quản lý tốt mặt bằng thi công, lực lượng lao động, với sự giám sát tốt và định mức lao động công bằng;
- Có sẵn các công cụ và thiết bị nhẹ phù hợp;
- Tuyên dương việc đi làm đúng giờ và trung thực trong làm việc;
- Chuẩn bị một danh mục qui chế/nội qui làm việc, và tiến hành kiểm tra khi phát hiện vi phạm;
- Chú trọng vào quản lý tốt hệ thống chi trả;
- Sử dụng hệ thống khoán việc tự quản lý để khuyến khích người lao động hoàn thành sớm công việc;
- Cung cấp đào tạo, hướng dẫn tại nơi làm việc, đào tạo kỹ năng tay nghề giúp người lao động có thêm nhiều cơ hội việc làm.

Số tiền để trả cho người lao động trong công trình không chỉ từ nguồn vốn nhà nước, mà còn có thể từ nguồn tiền của những người vì hoàn cảnh gia đình, bận việc riêng không thể góp công lao động và chấp nhận đóng góp bằng tiền thay thế (theo mức trả công ghi trong dự toán công trình), và từ các nguồn huy động khác.

Phụ lục IV.12: Hướng dẫn về huy động, lựa chọn ưu tiên và trả công cho người lao động

Huy động lao động

Cần đảm bảo có đủ lao động quan tâm và sẵn sàng làm việc với mức tiền công tối thiểu trong công trình. Các cuộc họp cộng đồng về lập hồ sơ xây dựng/dự toán công trình và về biện pháp thi công, hoặc các cuộc tham vấn cộng đồng bổ sung, cho phép ước tính số lượng, tay nghề của lực lượng lao động địa phương có thể tham gia lao động trong công trình. Yếu tố mùa vụ cần được tính đến.

Dữ liệu tổng hợp từ các đơn đăng ký của người dân (Phụ lục IV.4) có thể được sử dụng để ước tính số lao động địa phương sẵn có.

Tuy nhiên, kinh nghiệm quốc tế cho thấy những ước tính ban đầu thường quá lạc quan, và mức độ cung ứng lao động thực tế của người dân thường thấp hơn 25-35% so với ước tính ban đầu.

Lựa chọn ưu tiên

Trong trường hợp số lao động đăng ký/quan tâm tham gia lao động trong công trình nhiều hơn số người/ngày công cần thiết, cần áp dụng chính sách ưu tiên cho các đối tượng như qui định tại Khoản 2 Điều 19 Luật việc làm và Điều 6 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.

Nếu số lượng đối tượng ưu tiên vẫn lớn hơn nhu cầu, cần tiếp tục xác định hệ số ưu tiên trong số đối tượng lao động ưu tiên đã đăng ký, bằng cách cho điểm từng yếu tố ưu tiên trong Đơn đăng ký tham gia dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công (Phụ lục IV.4). Những lao động có mức độ ưu tiên cao (có nhiều điểm ưu tiên) sẽ được lựa chọn trước, chẳng hạn lao động thuộc hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

Cần lưu ý những vấn đề sau khi xếp ưu tiên lao động:

- Thông tin tuyên truyền và tham vấn các bên liên quan, tuân thủ nguyên tắc tiếp cận công bằng, tiền công thỏa đáng và năng suất lao động;

- Không giảm mức tiền công bằng cách chia sẻ công việc cho nhiều người cùng làm (vì sẽ giảm năng suất);
- Bắt đầu bằng cách giới hạn mỗi hộ chỉ được đăng ký 01 lao động;
- Cung cấp việc làm ngắn thời gian (không ít hơn 2 tháng, nếu được) và sử dụng cách bốc thăm ngẫu nhiên để quay vòng lao động;
- Nếu cần thiết có thể bổ sung các tiêu chí ưu tiên trước khi bốc thăm, như người không có đất sản xuất, phụ nữ làm chủ hộ, hoặc người ở gần địa điểm dự án nhất...;
- Không giảm khối lượng công việc trong khi vẫn giữ nguyên mức tiền công (vì sẽ làm tăng chi phí lao động);
- Bốc thăm riêng rẽ nam giới và nữ giới để đảm bảo cân bằng giới tính.

Trả công cho người lao động

Có 2 phương pháp cơ bản để trả công cho người lao động:

Trả công theo thời gian lao động:

• Người lao động được trả một khoản tiền cố định mỗi ngày dựa trên thời gian làm việc cố định hàng ngày. Việc đạt được năng suất phụ thuộc nhiều vào kỷ luật lao động và giám sát lao động. Kinh nghiệm cho thấy cách trả công theo thời gian lao động không đảm bảo giá trị tiền công, vì lao động đầu vào không liên quan đến kết quả đầu ra.

Trả công theo kết quả lao động (theo năng suất lao động), theo một trong hai cách:

• **Trả công theo khối lượng công việc** – người lao động được trả công dựa trên khối lượng công việc họ hoàn thành mà không tính đến thời gian để hoàn thành công việc đó. Theo cách này năng suất lao động thường được đảm bảo, tuy nhiên người lao động thường có tâm lý làm cố sức vì không có giới hạn khối lượng công việc họ có thể làm.

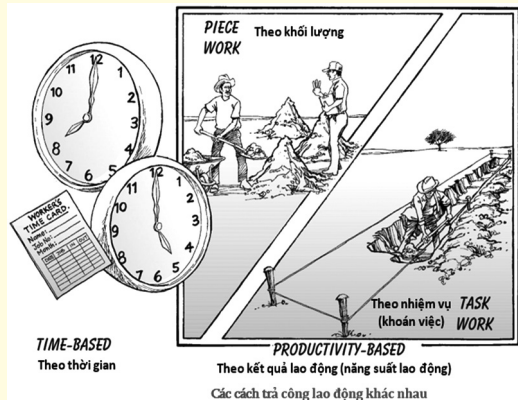
• **Trả công theo nhiệm vụ công việc (khoán việc)** – người lao động được trả một mức tiền công cố định cho một khối lượng hoặc nhiệm vụ công việc cố định, được xác định bằng năng suất lao động trung bình cho một công việc rõ ràng và hoàn chỉnh. Một vài nhiệm vụ nhỏ có thể được giao làm trong một ngày, hoặc một nhiệm vụ có thể được giao làm trong vài ngày cho cả một nhóm lao động. Tiền công được chi trả khi công việc hoàn thành nên năng suất lao động được đảm bảo.

Cách trả công theo kết quả lao động (theo năng suất lao động) được khuyến khích áp dụng do có thể giúp tăng năng suất lao động và kiểm soát được chi phí lao động. Cách trả công này tạo sự linh hoạt cho người lao động

về thời gian làm việc (có thể áp dụng khối lượng công việc làm trong nửa ngày để phù hợp với thời gian nông nhàn tại địa phương, khi đó tiến độ thi công có thể kéo dài hơn so với làm việc cả ngày), đồng thời tạo động lực cho người lao động. Người lao động có thể hoàn thành công việc sớm hơn thời gian qui định và về nhà sớm.

Cách trả công theo kết quả lao động dễ giám sát hơn, minh bạch hơn với người lao động – họ được nhận một khoản tiền cố định cho một khối lượng công việc cố định. Theo cách này khối lượng hoặc nhiệm vụ công việc cần được lên kế hoạch cẩn thận.

Để sử dụng phương pháp trả công theo kết quả lao động, cần xác định được định mức lao động đối với mỗi hạng mục công việc - tức là khối lượng công việc nhất định mà một người làm trong một ngày. Định mức lao động phụ thuộc vào:



- Thông tin thu thập từ cộng đồng địa phương về năng suất lao động của các hoạt động khác nhau;
- Kinh nghiệm cấp vùng và quốc tế;
- Định mức lao động do các cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành.

Dù trả công theo phương pháp nào, mức tiền công tối thiểu của người lao động cần đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo qui định hiện hành của Chính phủ (theo qui định tại Điều 4 Thông tư số 11/2017/TT-BLĐTBXH).

Chủ đầu tư mỗi dự án cần qui định trong hợp đồng thi công các yêu cầu cơ bản của thực hành tốt về trả tiền công cho người lao động, bao gồm:

- i) Người lao động được trả tiền công thường xuyên và đúng hạn (không ít hơn một lần một tháng);
- ii) Tiền công được trả đủ mỗi lần (không trả từng phần nhiều lần);
- iii) Nam giới và nữ giới được trả tiền công như nhau cho cùng công việc có giá trị ngang nhau;

- iv) Tiền công được trả dựa trên kết quả lao động (năng suất lao động), không thuần túy dựa trên thời gian lao động;
- v) Mức tiền công chi trả được công bố công khai với mọi người lao động.

Phụ lục IV.13: Hướng dẫn về giám sát, báo cáo và đánh giá tác động

1. Giám sát

Một hệ thống giám sát, theo thỏa thuận giữa đơn vị thi công, cộng đồng và chủ đầu tư cần được thiết lập trước khi chính thức tiến hành xây dựng công trình, với trách nhiệm rõ ràng về kiểm tra, giám sát, báo cáo và xử lý các vấn đề phát sinh. Các cuộc họp tại hiện trường cần được tổ chức giữa đại diện cộng đồng, chủ đầu tư và đơn vị thi công để thảo luận các báo cáo giám sát và xử lý các thắc mắc, khiếu nại, vi phạm hợp đồng...

Giám sát về các điều kiện việc làm thỏa đáng liên quan đến chấm công, chi trả tiền công, an toàn và sức khỏe lao động, bảo vệ người lao động... như được qui định trong hợp đồng thi công, cần được tiến hành thường xuyên thông qua giám sát cộng đồng tự nguyện và cán bộ hỗ trợ/giám sát kỹ thuật được phân công.

Các vấn đề sau đây cần được kiểm tra, giám sát:

- Chi trả tiền công: sử dụng bảng chấm công, và bảng chi trả tiền công, phù hợp với qui định về thời gian làm việc và mức lương tối thiểu;
- Tuân thủ các tiêu chuẩn lao động và điều kiện làm việc: kiểm tra bằng mắt xem liệu có đủ nước uống, tiện ích vệ sinh, lều bạt/nơi nghỉ cho người lao động. Kiểm tra cả về thời gian làm việc và thời gian nghỉ/ngày nghỉ đã qui định;
- Xử lý khiếu nại: có cơ chế để ghi chép các khiếu nại, phản hồi, việc tuân thủ và vi phạm điều kiện lao động, và cách xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình thi công;
- An toàn và sức khỏe lao động: kiểm tra bằng mắt để đảm bảo người lao động sử dụng các trang bị bảo hộ cần thiết; theo dõi các tai nạn lao động bao gồm cả nguyên nhân, mức độ nghiêm trọng, cách xử lý về cứu chữa và đền bù;
- Tổng số người lao động được giải quyết việc làm và tổng số ngày công được tạo ra, phân tách theo giới, dân tộc, so sánh giữa kết quả của dự án với mục tiêu đề ra;

- Tổng số tiền công trả cho người lao động: tổng hợp từ hồ sơ thanh quyết toán công trình, phân tách theo giới, dân tộc (để có thể đánh giá tác động của dự án đến người lao động là phụ nữ, dân tộc).

Cần thu xếp đủ nguồn nhân lực và tài chính để thiết lập và vận hành hệ thống giám sát – bao gồm cả nguồn lực để thu thập, nhập liệu, lưu trữ, phân tích các thông tin có trong cơ sở dữ liệu.

2. Báo cáo

Biểu mẫu và chế độ báo cáo về thực hiện chính sách việc làm công ở cấp xã, huyện và tỉnh thực hiện theo các qui định của Thông tư số 11/2017/TT-BLĐTBXH.

3. Đánh giá tác động

Đánh giá tác động thực hiện chính sách việc làm công trong CTMTQG GNBV cần bao gồm các vấn đề/chỉ tiêu đánh giá cơ bản sau:

- Tác động của tiền công đến sinh kế của người lao động và cộng đồng;
- Tác động của CSHT được cải thiện đến sinh kế cộng đồng và những người hưởng lợi.

Có thể bổ sung các khía cạnh khác của đánh giá tác động thực hiện chính sách việc làm công, chẳng hạn tác động về bình đẳng giới, tác động tạo việc làm gián tiếp...

Đánh giá tác động cần được lập kế hoạch từ sớm để tiến hành đánh giá ban đầu/thu thập số liệu nền trước khi khởi công công trình, đánh giá tiếp theo (ngay sau khi hoàn thành, 6 tháng hoặc lâu hơn sau khi hoàn thành). Cần thu xếp đủ nguồn nhân lực và tài chính để tiến hành đánh giá. Sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập bên ngoài thường là phương án hiệu quả hơn.

Chịu trách nhiệm nội dung:
VĂN PHÒNG QUỐC GIA VỀ GIẢM NGHÈO

Biên soạn:

Ngô Trường Thi
TS. Trần Ngọc Diễn
Chu Thị Hạnh
Nguyễn Tấn Nhựt
Bùi Đức Tùng

Biên tập:

Bùi Đức Tùng

Sửa bản in:

Mỹ Hạnh

Trình bày và thiết kế:

Thu Trang
Hoàng Dung

Sách do **Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo** phối hợp với **Tạp chí Lao động và Xã hội** biên soạn và xuất bản. In 3.750 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ty Cổ phần In và Truyền thông Hợp Phát. Địa chỉ Xưởng in: Cụm Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội. ĐT: 024.33943234/37181818/37761626.

SÁCH KHÔNG BÁN